

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Thiện Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đoàn Văn M
2. Bà Phạm Thị Mai A

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc A - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Phan Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị L**, sinh năm 1985
Địa chỉ: số 7, B3 KĐT T, phố Đ, phường Tr, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Dương Văn B**, sinh năm 1975
Địa chỉ: Phòng 1, nhà số 111, ngách 2/146 đường Đ, phường M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

(Có mặt chị Đỗ Thị L, vắng mặt anh Dương Văn B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2019 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Dương Văn B gần nhà nên quen biết nhau từ trước, sau đó tìm hiểu và yêu nhau khoảng 3 tháng thì làm đám cưới. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 04/7/2007 tại UBND xã, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi lấy nhau thì ở xóm 1, K, Hà Nam là nhà chồng. Vợ chồng sinh được hai cháu trai là Dương Chung Vui (05/4/2008) và Dương Chung Đ (09/3/2010). Đến năm 2016 thì vợ chồng chuyển lên Hà Nội làm ăn sinh sống, năm 2017 thì đăng ký tạm trú tại số nhà 9, tổ 166 phường Tr, quận

Nam Từ Liêm, Hà Nội là nhà thuê. Vợ chồng sống không được T về do tính tình anh B cục cằn, không chia sẻ công việc gia đình và trách nhiệm đối với con cái để giúp đỡ vợ, nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không bao giờ cảm thấy T về. Đến tháng 9/2018 thì mâu thuẫn căng thẳng, chị L xin ở nhờ tại số 7 khu đô thị T, là nơi chị đang bán hàng thuê, được chủ nhà thương hoàn cảnh nên cho cả ba mẹ con chị ở luôn tại cửa hàng. Cũng từ tháng 9/2018 vợ chồng sống ly thân, anh B hoàn toàn không có trách nhiệm gì với con cái. Cháu lớn (Dương Chung T) bị bệnh u máu bẩm sinh, từ 2018 đến nay đã trải qua nhiều ca phẫu thuật và tiểu phẫu nhưng chị phải một mình lo lắng, anh B không thể hiện trách nhiệm với con cái mà chỉ có bà nội hỏi thăm cháu, tôi có gọi điện thông báo nhưng anh B không nghe điện thoại của tôi và cũng không còn ở nhà thuê trước đây nữa, qua bà nội của các cháu thì chị được biết bà và anh B chuyển về thuê nhà tại phường M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh B, vợ chồng sống ly thân đã hơn một năm, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn B.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Dương Chung T, sinh ngày 05/4/2008 và cháu Dương Chung Đ, sinh ngày 09/3/2010. Hiện cả hai cháu đều đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Dương Văn B đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh Thúy vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, anh B giao nộp bản tự khai với nội dung *“Tôi không đồng ý ly hôn tuy nhiên chị L đơn phương nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chúng tôi không có tài sản chung. Vợ chồng có 2 con chung như chị L đã khai nếu chị muốn nuôi con tôi cũng đồng ý”*.

Tại phiên tòa:

- Chị Đỗ Thị L trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa; về phía các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa

vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị L, cho chị L được ly hôn anh Dương Văn B, con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi sau ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B cho đến khi chị L có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Dương Văn B đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, anh B có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị L và anh Dương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/7/2007 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị L, bà Dương T là mẹ đẻ của anh B, chị Đỗ Thị N là em họ của chị L cùng các tài liệu Tòa án xác minh được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa anh Dương Văn B và chị Đỗ Thị L có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn là anh Dương Văn B để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh B vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Việc anh B không đến Tòa để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: căn cứ hồ sơ vụ án thì chị Đỗ Thị L và anh Dương Văn B có hai con chung là cháu Dương Chung T, sinh ngày 05/4/2008 và cháu Dương Chung Đ, sinh ngày 09/3/2010.

Xét yêu cầu xin được trực tiếp con sau khi ly hôn của Nguyên đơn, HĐXX thấy: Từ khi anh chị sống ly thân thì cả hai con chung đều do chị L nuôi dưỡng, anh B cũng có ý kiến đồng ý giao cả hai con chung cho chị L nếu chị có yêu cầu. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung sau khi

ly hôn, Tòa án đã tiến hành tham khảo nguyện vọng của các cháu, tại buổi làm việc thì cả hai cháu T và Đ đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét điều kiện thực tế hiện cả hai cháu đều đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần, thấy yêu cầu của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu các con chung sau khi ly hôn là phù hợp. Giao cho chị Đỗ Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Dương Chung T và Dương Chung Đ sau khi ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con vì tại thời điểm hiện nay không có thu nhập ổn định nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Dương Văn B cho đến khi chị Đỗ Thị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28 và các điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị L:

Cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Dương Văn B;

2. Về con chung: chị Đỗ Thị L và anh Dương Văn B có hai con chung là cháu Dương Chung T, sinh ngày 05/4/2008 và cháu Dương Chung Đ, sinh ngày 09/3/2010. Giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Dương Văn B đến khi chị Đỗ Thị L có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Dương Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

số 8470 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K, Hà Nam, để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Chu Thiện Nghĩa